

Bản án số: 285/2023/DS-ST  
Ngày 18-8-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Phạm Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chính:* Bà Trần Kim X – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị N; địa chỉ cư trú: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Thị R trình bày:* Trước đây, bà Nguyễn Thị C đã cho bà Đinh Thị N vay nhiều lần với tổng số tiền 52.000.000đ và 4 chỉ vàng 24K, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 21/11/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 4.000.000đ. Lần thứ hai vào ngày 26/11/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 4 chỉ vàng 24k. Lần thứ ba vào ngày 14/12/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 11.000.000đ. Lần thứ tư vào ngày 25/12/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 10.000.000đ. Lần thứ năm vào ngày 27/12/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 7.000.000đ. Lần thứ sáu vào ngày 13/01/2018 âm lịch, bà C cho bà N vay 20.000.000đ. Các lần trên đều thỏa

thuận lãi suất 05 phân trên tháng, không thỏa thuận thời hạn trả.

Sau khi vay, bà N đóng lãi được 03 tháng với số tiền 7.800.000đ nhưng sau đó ngưng đóng và bà C đã nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền vốn, lãi nhưng đến nay bà N vẫn không trả.

Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị N trả lại số tiền vốn 52.000.000đ, tiền lãi  $52.000.000đ \times 60 \text{ tháng} \times 0,8\% = 24.960.000đ$  và 4 chỉ vàng 24k, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Bà Trần Kim Xuyên trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của bà R và yêu cầu bà N trả cho bà Chính 76.960.000đ và 04 chỉ vàng 24k.

Đối với bà Đinh Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Ngon là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Theo phía nguyên đơn trình bày đã cho bị đơn vay nhiều lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 21/11/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 4.000.000đ. Lần thứ hai vào ngày 26/11/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 4 chỉ vàng 24k. Lần thứ ba vào ngày 14/12/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 11.000.000đ. Lần thứ tư vào ngày 25/12/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 10.000.000đ. Lần thứ năm vào ngày 27/12/2017 âm lịch, bà C cho bà N vay 7.000.000đ. Lần thứ sáu vào ngày 13/01/2018 âm lịch, bà C cho bà N vay 20.000.000đ. Các lần trên đều thỏa thuận lãi suất 05 phân trên tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau khi vay, bà N chưa trả vốn và có trả cho bà C 7.800.000đ tiền lãi.

Lời trình bày của phía nguyên đơn phù hợp với giấy nợ. Đối với bà Đinh Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà N đã vay của bà C tổng số tiền 52.000.000đ và 04 chỉ vàng 24k và đến nay còn nợ số tiền và vàng trên.

Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Nguyên đơn yêu cầu bà N trả số tiền lãi của 60 tháng trên số tiền vay 52.000.000đ, với lãi suất 0,8%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật. Theo đó, số tiền lãi được tính là:  $52.000.000đ \times 60 \text{ tháng} \times 0,8\%/\text{tháng} = 24.960.000đ$ .

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Buộc bà N trả số tiền 76.960.000đ (bao gồm 52.000.000đ tiền vốn, 24.960.000đ tiền lãi) và 04 chỉ vàng 24k.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C không phải chịu. Bà N phải chịu:  $(76.960.000đ + (04 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5.590.000đ)) \times 5\% = 4.966.000đ$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Đinh Thị N trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 76.960.000đ (bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) và 04 (bốn) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn kara).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị N phải chịu 4.966.000đ (bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**



**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Châu Trung Trực – Trần Công Đoàn**

**Đặng Quốc Trọng**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Châu Trung Trực – Trần Công Đoàn**

**Đặng Quốc Trọng**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi     giờ     phút, ngày 23 tháng 3 năm 203

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Châu Trung Trực và ông Trần Công Đoàn.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “tranh chấp hội” giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn Hùng, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp Bào Giá, xã Trần Phán, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí Diễm; cư trú tại: Ấp Bào Giá, xã Trần Phán, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH  
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**Về điều luật căn cứ:**

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)*

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Hùng.

Buộc ông Nguyễn Chí Diễm trả cho ông Hồ Văn Hùng số tiền 112.000.000đ (một trăm mười hai triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn Hùng không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013464 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Nguyễn Chí Diễm phải chịu 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)*

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 3 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Châu Trung Trực – Trần Công Đoàn**

**Đặng Quốc Trọng**





